



MẤY Ý KIẾN VỀ CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH QUỐC GIA

TRẦN DƯƠNG

Chính sách tài chính quốc gia đúng đắn là điều kiện cần thiết của chiến lược ổn định và phát triển kinh tế.

Ổn định là yêu cầu cần thiết để phát triển, nhưng chiến lược phát triển đòi hỏi phải có chính sách cơ cấu kinh tế, xây dựng các ngành, vùng thích hợp với điều kiện, khả năng cụ thể của ngành và vùng kinh tế.

Nước ta đổi mới chế độ kinh tế từ nền kinh tế quản lý tập trung quan liêu bao cấp chuyển sang chế độ kinh tế thị trường có điều tiết, có quản lý bằng các chính sách, kế hoạch và cơ chế quản lý kinh tế tài chính thích hợp với từng bước tiến lên và chuyển biến của cơ cấu kinh tế.

Dại hội VII đề ra chiến lược ổn định và phát triển kinh tế đến năm 2000. Căn cứ phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế đại ra từ khoảng những năm 1991-1995 và các năm tiếp theo, rõ ràng có vấn đề về vốn và đổi mới cơ chế đầu tư mà chúng tôi sẽ có dịp đề cập trong một bài sau.

Có mấy vấn đề về chính sách tài chính quốc gia trong chặng đường đầu tiên lên CNXH ở nước ta:

1. Giải quyết mối quan hệ giữa tập trung của Nhà nước với cơ sở kinh tế. Phân cấp tài chính (ngân sách) giữa Trung ương với các tỉnh, thành.

Chúng ta đang từng bước giao quyền tài chính cho các cơ sở để cơ sở thực hiện chủ động trong sản xuất kinh doanh.

Các chính sách thuế, lãi suất ngân hàng, cơ chế tín dụng ngân hàng đang được từng bước xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu húc đẩy được hạch toán kinh tế cơ sở.

Xây dựng và ban hành thành luật quản lý xí nghiệp, quản lý kinh tế cơ sở của

các thành phần sở hữu khác nhau bình đẳng trong quyền lợi và nghĩa vụ đối với Nhà nước. Nhà nước luôn luôn bảo vệ lợi ích của cơ sở kinh tế.

Chính sách hải quan, thuế xuất nhập khẩu hợp lý nhằm mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, cả hai bên trong nước và ngoài nước đều có lợi.

Tài chính Nhà nước phải có chính sách đúng đắn và những định chế quản lý thích hợp đối với quá trình tái sản xuất ở cơ sở, là khâu chủ yếu của tái sản xuất mở rộng. Song song với khâu tái sản xuất mở rộng trên phạm vi toàn xã hội, luôn luôn hướng về việc phục vụ cho mở rộng sản xuất của các cơ sở kinh tế.

Thời gian qua do chưa quan tâm đúng mức nên các chính sách cụ thể chưa sát thực tế, các qui chế chưa thích hợp với hoạt động tài chính của tổ chức kinh tế cơ sở, làm cho cơ sở thường bị động và có tư tưởng lười biếng, do đó chưa thực hiện được nguyên tắc tập trung dân chủ một cách đúng đắn.

Vấn đề lớn đặt ra trước hết cho chúng ta hiện nay là phải nghiên cứu và giải quyết những tồn tại của kinh tế cơ sở, phải cùng cơ sở tháo gỡ những vướng mắc để kinh tế cơ sở thực sự thực hiện được quyền chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh. Đối tượng nghiên cứu bao gồm các thành phần kinh tế. Cả kinh tế quốc doanh, tư doanh, kinh tế hỗn hợp công - tư, kinh tế hộ gia đình và tập thể nhỏ, kinh tế tư nhân tổ hợp sản xuất và liên doanh... kể cả tổ chức kinh tế của nước ngoài đầu tư và liên doanh với ta.

Phải đứng trên giác độ Nhà nước, tài chính nhà nước để xem xét đề xuất các vấn

đề đổi mới cơ chế tài chính của các tổ chức kinh tế cơ sở, cũng như những vấn đề giữa tài chính ngân sách trung ương và của các tỉnh, thành.

2. Những vấn đề phải giải quyết đối với chu kỳ tái sản xuất mở rộng trên phạm vi toàn xã hội và xác định hướng đầu tư.

Thông qua việc phân phối và phân phối lại tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân (tổng sản lượng quốc dân trong nước GDP), nghiên cứu phải để lại cho cơ sở kinh tế bao nhiêu phần trăm (%), quỹ khấu hao tài sản cố định và chế độ sử dụng quỹ khấu hao ở tổ chức kinh tế cơ sở (cần nghiên cứu ban hành luật khấu hao, gắn với luật xí nghiệp).

Khi xác định phương hướng đầu tư đối với ngành và vùng kinh tế trong chặng đường đầu, cần xác định đúng mức độ đầu tư cần thiết phù hợp với đặc điểm của ngành và vùng, thích hợp với khả năng thực tế tài chính huy động được tại chỗ và vốn đầu tư bên ngoài.

Chủ ý trong định mức vốn đầu tư theo chiều sâu, theo khả năng cơ vật chất kỹ thuật của từng địa phương, từng vùng. Đối với vùng kinh tế, cần đi sâu vào các tiểu vùng có điều kiện giống nhau và gần giống nhau để tính toán các tiêu chuẩn định hướng đầu tư. Trước mắt rất cần có các dự án phát triển kinh tế tiểu vùng trên địa bàn huyện. Phải chú ý gắn nông nghiệp với công nghiệp tại các cụm kinh tế kỹ thuật đang hình thành trong quá trình xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo chiều hướng nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp, công nghiệp phục vụ trở lại việc phát triển nông nghiệp. Các dự án nông công nghiệp là cần thiết trong bước phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương, các tiểu vùng.

Quá trình tái sản xuất mở rộng ở nước ta hiện nay và trong một thời gian dài tiếp theo còn phải kết hợp 2 nguồn vốn trong nước và ngoài nước.

Phát huy tinh thần tự lực tự cường, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm triệt để trên mọi mặt để có vốn mở rộng sản xuất là vấn đề vừa mang tính quy luật khách quan, vừa là một chính sách lớn rất cơ bản của quốc gia.

Mặt khác, trong điều kiện khả năng sáng tạo tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân còn ở mức thấp dưới 300 USD/người/năm thì vấn đề tranh thủ hợp tác đầu tư, tranh thủ các loại vốn bên ngoài bằng nhiều hình thức để tăng thêm được năng lực sản xuất trong nước là một yêu cầu tất yếu khách quan, nhất là ta cần tranh thủ vốn để du nhập kỹ thuật tiên tiến, công nghệ hiện đại nhằm tăng gia năng suất lao động cũng như tranh thủ được vốn để mở rộng đầu tư, thu hút được nhiều lao động vào sản xuất, phát triển kinh tế xã hội. Tranh thủ vốn ngoài và biết sử dụng vốn ngoài đem lại được hiệu quả kinh tế xã hội thì chúng ta phải tích cực tranh thủ để tăng

thêm khả năng tự lực tự cường.

Việc tranh thủ vốn ngoài phải xem xét những điều kiện, những yếu tố trong quan hệ sử dụng vốn ngoài và cần có sự chỉ đạo thống nhất về quan điểm liên kết, liên doanh, hợp tác, mở rộng thị trường đối ngoại để các tổ chức kinh tế được trực tiếp quan hệ đối ngoại dưới sự chỉ đạo vĩ mô của Nhà nước.

3. Phần đầu ổn định tiền tệ cả về lưu thông tiền tệ và ổn định sức mua của đồng tiền là điều kiện cần thiết của cả quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế trong các chặng đường của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trước mắt phải kiềm chế lạm phát tiền, tiền tôi đây là lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền. Đồng thời phải xem xét yêu cầu tiền mặt trong lưu thông từng nơi, từng lúc, không thể để thiếu tiền mặt, cần trở cho lưu thông trao đổi hàng hóa. Nhà nước ta đang có những biện pháp phần đầu ổn định tiền tệ với nội dung trên đây.

Ba loại biện pháp ổn định tiền tệ đang được áp dụng:

a) Dẩy mạnh sản xuất để bảo đảm hàng hóa tiêu dùng của nhân dân. Thực hiện quản lý thị trường giá cả và hàng hóa theo luật cung cầu, có chính sách quản lý giá các mặt hàng thiết yếu qua hệ thống thương nghiệp có tổ chức được hướng dẫn bởi các biện pháp kinh tế để chống đầu cơ nâng giá đối với các mặt hàng thiết yếu cho đời sống.

b) Giải quyết các vấn đề trong hệ thống tài chính tín dụng. Thực hiện cân đối ngân sách Nhà nước một cách tích cực. Mở rộng hoạt động tài chính qua hệ thống ngân hàng kinh doanh, gắn với hệ thống ngân hàng Nhà nước để phục vụ, đáp ứng được yêu cầu vốn cho các cơ sở, tổ chức kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện cải tiến hoạt động tài chính cơ sở theo nguyên tắc hạch toán kinh doanh.

c) Để ổn định tiền tệ lâu dài và giải quyết vấn đề cân đối tiền - hàng một cách căn bản, cần nghiên cứu bảng cân đối thu chi tiền tệ dân cư, nghiên cứu khối lượng tiền tệ (masse monétaire) bao gồm cả biểu cân đối tiền mặt và trên tài khoản ngân hàng. Vấn đề này hiện nay chưa có điều kiện để thực hiện đầy đủ, nên cùng với việc xây dựng cơ chế quản lý chung, các ngành tổng hợp của Nhà nước trong hệ thống tài chính - ngân hàng - kế hoạch - thống kê bàn bạc để chuẩn bị các mẫu biểu thực hiện việc nghiên cứu này trong thời gian tới.

Mấy ý kiến về chính sách tài chính quốc gia trên đây mới chỉ là những ý kiến chung, mong cũng góp được phần nào vào việc nghiên cứu ban hành các chính sách cụ thể. Có nhiều vấn đề phải được xây dựng trong luật pháp thì mới thực hiện có hiệu quả được.

TD.

Tháng 1/1992

TÌM NHỮNG BIỆN PHÁP TỔNG HỢP ĐỂ ỔN ĐỊNH VÀ LÀNH MẠNH HÓA NỀN TÀI CHÍNH

LE KHOA (Tiến sĩ Kinh tế)

Trước tiên, tôi xin góp ý về việc tìm hiểu cơ chế vận hành tiền tệ, tài chính trong nước; sau khi đã nắm vững cơ chế vận hành của tiền tệ, việc tìm những biện pháp tổng hợp để khắc phục những khó khăn sẽ có tính lô-gic và thuyết phục hơn.

1. Trình bày cơ chế vận hành và các khó khăn của nền tài chính quốc gia

Để tìm hiểu và phân tích tiền tệ, các kinh tế gia thường chia toàn bộ nền kinh tế trong nước thành các Khu vực (KV) sau đây: KV Chánh quyền hay Nhà nước, KV Sản xuất hay các Xí nghiệp (kể cả quốc doanh, tư doanh, hợp doanh, các xí nghiệp ngoại quốc tại VN, các xí nghiệp tiểu thủ công, nông trại tư nhân...) KV kinh tế đối ngoại hay Ngoại quốc, KV Gia đình, Thị trường Chứng khoán và KV Ngân hàng.

1/ KV Chánh quyền: Chi thu Nhà nước được thực hiện qua Ngân sách Trung ương và Địa phương. Khoản thu chính yếu của Nhà nước là Thuế khoá (khoản thu bình thường, nhưng ngoài ra. còn có một số thu khác: Thu lợi các công ty quốc doanh có lợi nộp cho Nhà nước (nhưng Nhà nước phải gánh chịu số lỗ của các Công ty quốc doanh làm ăn lỗ lã, vì các công ty này thuộc sở hữu của Nhà nước), thu tiền viện trợ của nước ngoài (được đổi ra tiền VN), thu tiền bán một số hàng hoá và dịch vụ (như bán tem, con niêm) v.v... Khoản chi gồm có chi cho quốc phòng, hành chính, nội vụ, y tế, giáo dục (ngân sách thường chi); chi cho đầu tư và phát triển (như cấp vốn xây Thác Mơ, Vĩnh Sơn v.v...) (Ngân sách Đầu tư và Phát triển). Chánh sách tài chính hợp lý nhất là cắt giảm tối đa các chi phí trong Ngân sách thường chi và dồn ngân khoản tối đa cho Ngân sách Đầu tư và Phát triển.

Về việc điều hành ngân sách Nhà nước, có một số ý kiến như sau:

- Nhà nước nên cố gắng thực hiện thăng bằng giữa Chi và Thu trong ngân sách thường chi. Một trong những nguyên nhân chính yếu khiến cho kinh tế Nhật Bản phát triển cực nhanh là Nhà nước Nhật không những giảm tối đa các chi phí quốc phòng mà còn cắt xén mọi chi phí hành chính, nội vụ, chính trị v.v... không cần thiết. Trái lại, trong một số nước khác, các chi phí quốc phòng, hành chính, chính trị lại được thổi phồng. Ở nước ta, trong ngân sách thường chi, Thu vẫn ít hơn Chi.

Khi ngân sách thường chi có số Dư

(Thu nhiều hơn Chi), Nhà nước có thể dùng số Dư trên đây để chuyển sang Ngân sách Đầu tư và Phát triển. Nhà nước dùng số Dư ngân sách thường chi để phát triển kinh tế, lập nhiều dự án như Thác Mơ, lọc Dầu, làm nhiều đường xa lộ. Như vậy, một trong những biện pháp hữu hiệu để ổn định, phát triển là phần đầu cho có số dư trong ngân sách thường chi để chuyển qua ngân sách đầu tư và phát triển.

Khi ngân sách thường chi không có số Dư (như ta hiện nay) mà lại có số thiếu, thì vấn đề nêu lên là tìm đầu tiên để thanh toán số thiếu này. Vậy phải tăng thêm thuế, phải bán công trái (hay vay người dân), đó là hai biện pháp khá tốt nhưng nếu không đủ, phải vay ngân hàng. Ngân hàng phải cho lưu hành thêm tiền để đáp ứng với yêu cầu vay tiền của Nhà nước.

- Ý kiến về Nhà nước vay tiền của ngân hàng: Nếu như Nhà nước vay tiền để dài thọ thâm thủng của ngân sách, thì sẽ gây lạm phát. Tuy nhiên, trong trường hợp Nhà nước vay tiền ngân hàng (và của dân), để tăng cường chi phí đầu tư và phát triển, thì việc này sẽ làm tăng gia sản xuất và đưa đến phát triển.

Vậy mục tiêu phần đầu là hết sức giảm chi phí thường chi nhưng trái lại tăng gia tới mức tối đa chi phí đầu tư và phát triển, dù có lạm phát cũng có thể chấp nhận được.

2) KV Đối ngoại: Được nghiên cứu trong cân thanh toán, gồm có: cân hàng hoá và dịch vụ (gồm chủ yếu cân thương mại, hay xuất nhập khẩu), và cân tư bản.

Khi nhập khẩu cao hơn xuất khẩu (như ta hiện nay), vấn đề nêu lên là tìm đầu ngoại tệ để dài thọ sai biệt giữa xuất và nhập khẩu. Tình hình còn gia trọng là người xuất nhập khẩu, còn các chi phí khác, như dịch vụ (thuê tàu ngoại quốc chở hàng, trả tiền cước phí bảo hiểm). Hoạt động hàng hải của ta còn non yếu nên về mặt dịch vụ ta Chi nhiều hơn Thu. Vậy, cân hàng hoá dịch vụ của ta có số thiếu về ngoại tệ cần phải thanh toán.

Cần tư bản về số Thu ghi sổ tiền ngoại quốc cho vay, viện trợ, tiền kiều bào gửi về, tiền ngoại quốc đầu tư tại VN. Số Chi gồm có tiền lời phải trả cho tiền đầu tư, cho vay của ngoại quốc, tiền vốn phải trả khi ngoại quốc rút vốn về và khi nợ ngoại quốc đáo hạn. Nếu cộng các khoản thu